

Số: 24/2024/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Xét Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 382/BC-KTNS ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi khoản 2 Điều 2 và bổ sung khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với các nội dung cụ thể như sau:

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công đối với:
 - Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất);
 - Tài sản là xe ô tô, phương tiện vận tải khác;
 - Tài sản là máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.
- b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (gọi chung là các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh) quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ điểm a khoản 2 Điều này).
- c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ điểm a khoản 2 Điều này).
- d) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ điểm a khoản 2 Điều này).
- đ) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ điểm a khoản 2 Điều này).
- e) Trường hợp các tài sản có giá trị trên 01 đơn vị tài sản tại các điểm b, c, d, đ khoản này có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước của 01 lần mua sắm hoặc 01 dự toán mua sắm có giá trị thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này thì thẩm quyền quyết định mua sắm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.
- g) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập:
 - Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị

nhóm 2), đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4): Quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp về sự phù hợp tiêu chuẩn, định mức và nguồn vốn mua sắm.

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này.

3. Thẩm quyền mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với: các tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước từ 01 tỷ đồng trở lên/01 lần mua sắm hoặc 01 dự toán mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm: các tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước dưới 01 tỷ đồng/01 lần mua sắm hoặc 01 dự toán mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 lần mua sắm hoặc 01 dự toán mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước từ 200 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm hoặc 01 dự toán mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

d) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước dưới 200 triệu đồng/01 lần mua sắm hoặc 01 dự toán mua sắm.

đ) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước dưới 200 triệu đồng/01 lần mua sắm hoặc 01 dự toán mua sắm.

e) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp, hoạt động dịch vụ để phục vụ hoạt động sự nghiệp, hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị; nguồn thu phí

được để lại theo quy định của Luật phí, lệ phí và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 3 Điều này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 31 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng